

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: 25/2019/DS-ST

Ngày 12/8/2019

Về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Tính.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh.

2. Ông Nguyễn Chí Cường.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Minh Thành – Thư ký tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 70/2019/TLST – DS ngày 23 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2019/QĐST – DS ngày 15/7/2019, quyết định hoãn phiên tòa số 22/2019/QĐST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Dương Quang S**, sinh năm 1969, địa chỉ: ấp CH, xã TCN, huyện CT, tỉnh TG.

2. *Bị đơn:*

2. 1 Bà **Phạm Thị T**, sinh năm 1952;

2. 2 Ông **Lê Văn H**, sinh năm 1953;

2. 3 Chị **Lê Thị C**, sinh năm 1989;

Cùng địa chỉ: ấp MB, xã PL, huyện TP, tỉnh TG.

3. *Người làm chứng:* Anh **Lê Văn Tn**, sinh năm 1996, địa chỉ: ấp MB, xã PL, huyện TP, tỉnh TG.

(Tại phiên tòa có mặt ông S, bà T, vắng mặt ông H, chị C, anh Tn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Dương Quang S trình bày:

Năm 2017, tôi có cho chị Lê Thị C vay nhiều lần tiền tổng cộng 100.000.000 đồng. Chị C có tham gia chơi hụi ngày với số tiền 120.000 đồng trên một ngày, trong

hạn sáu tháng, chị C đã đóng được một tháng và đã hốt hụi nhưng không đóng lại hụi chết, tôi phải đóng thay cho chị năm tháng với số tiền là 18.000.000 đồng. Ngoài ra, chị C có nhờ tôi vay hộ 26.000.000 đồng, thời hạn vay là 24 tháng nhưng chị C chỉ đóng được 10 tháng còn nợ lại 14 tháng với số tiền 28.350.000 đồng, tôi đã trả thay cho chị C.

Bà T và ông H có mượn tôi 28.000.000 đồng vào ngày 18/9/2017 để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 20/12/2018, ông H bà T có mượn tôi 45.000.000 đồng.

Ông H bà T có trả hộ cho chị C 40.000.000 đồng và hẹn khi vay Ngân hàng được sẽ trả hết phần nợ còn lại của chị C và nợ của ông bà cho tôi nhưng khi vay xong ông bà không trả tiền cho tôi.

Yêu cầu Tòa án giải quyết: Tôi yêu cầu bà T, ông H và chị C liên đới trả cho tôi số tiền vay là 151.350.000 đồng, thực hiện làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Tôi là vợ của ông Lê Văn H, tôi có quen biết ông Dương Quang S do con gái tôi là Lê Thị C, sinh năm 1989 trước đây đi làm công cho ông S khoản hơn sáu năm, hiện tại chị C đi đâu tôi không rõ nơi ở. Năm 2017, ông S lên gặp vợ chồng tôi nói chị C còn nợ tiền vay của ông S 106.000.000 đồng. Tôi có ký và ghi họ tên Phạm Thị T vào “giấy cam kết trả tiền lập ngày 20/12/2018” và “giấy thỏa thuận lập ngày 18/10/2017”, lúc tôi ký vào cả hai đều là giấy trắng do tôi và ông S đi vay Ngân hàng ông S yêu cầu tôi ký để làm thủ tục. Tôi không đồng ý theo yêu cầu của ông Dương Văn S vì tôi và ông H không có vay 45.000.000 đồng của ông S còn chị C có vay tiền của ông S hay không thì tôi không biết, do ông S nói con gái tôi là chị C trong thời gian làm công cho ông S có vay của ông S 106.000.000 đồng nên tôi tin và đã trả cho ông S được 42.000.000 đồng. Số còn lại tôi hứa khi nào chị C về hoặc khi tôi vay được tiền Ngân hàng tôi sẽ trả bớt phần còn lại cho ông S nhưng tôi vay lại không được nên tôi chưa trả được cho ông S phần còn lại 64.000.000 đồng.

Bị đơn ông Lê Văn H trình bày: Tôi là chồng của bà Phạm Thị T, tôi có quen biết ông Dương Quang S do con gái tôi là Lê Thị C, sinh năm 1989 trước đây đi làm công cho ông S khoản hơn sáu năm, hiện tại chị C đi đâu tôi không rõ nơi ở. Năm 2017, ông S lên gặp vợ chồng tôi nói chị C còn nợ tiền vay của ông S. Tôi có ký và ghi họ tên Lê Văn H vào “giấy cam kết trả tiền lập ngày 20/12/2018” và “giấy thỏa thuận lập ngày 18/10/2017” do ông S nói ký vào để ông S làm tin. Bà T có ký và ghi họ tên vào “giấy thỏa thuận lập ngày 18/10/2017” và “giấy cam kết trả tiền lập ngày 20/12/2018” hay không thì tôi không biết. Tôi không đồng ý theo yêu cầu của ông Dương Văn S vì tôi không có vay tiền của ông S còn chị C có vay tiền của ông S hay không thì tôi không biết.

Người làm chứng anh Lê Văn Tn trình bày: Tôi là con ruột của ông H và bà T, tôi chỉ quen biết ông S do ông S nhiều lần đến nhà tôi. Tôi khẳng định tôi không có ký chữ “TÂN” cũng như không có lãn tay trong “Giấy thỏa thuận” giữa ông Lê Văn H, bà Phạm Thị T và ông Dương Quang S lập ngày 18/10/2017. Tôi không biết nội dung tranh chấp giữa ông S kiện yêu cầu bà T và ông H trả số tiền vay tổng cộng là 151.350.000 đồng, theo tôi tranh chấp trên nên giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Dương Văn S trình bày: Tôi yêu cầu bà T, ông H và chị C liên đới trả cho tôi số tiền vay là 64.500.000 đồng, thực hiện làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Tôi xin rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 86.850.000 đồng.

Bị đơn bà Phạm Thị T trình bày: Tôi thống nhất con tôi là chị C có nợ ông S 80.000.000 đồng theo hai giấy nợ mà ông S đưa ra tại Tòa, tôi đã trả thay cho chị C 40.000.000 đồng, nếu sau này chị C chứng minh không có nợ ông S số tiền trên thì ông S phải trả lại cho tôi. Tôi có nhờ ông S làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thủ tục đi vay, sau khi vay xong tôi đã trả cho ông S 40.500.000 đồng, ông S đưa ra hai biên nhận tôi và ông H có ký nhận vay của ông S 65.000.000 đồng như vậy tôi và ông H còn nợ ông S 24.500.000 đồng. Tôi không đồng ý theo yêu cầu của ông S vì tôi không có nhận tiền của ông S.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Văn S là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bị đơn bà Phạm Thị T, ông Lê Văn H và chị Lê Thị C phải liên đới trả cho ông S số tiền vốn vay là 64.500.000 đồng, trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn Dương Văn S yêu cầu bà Phạm Thị T, ông Lê Văn H và chị Lê Thị C liên đới trả cho ông số tiền vay là 64.500.000 đồng, thực hiện làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp dân sự về “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Xét bị đơn ông Lê Văn H, bà Phạm Thị T và chị Lê Thị C có đăng ký hộ khẩu tại xã PL, huyện TP, tỉnh TG. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh TG.

[3] Về tố tụng:

[3.1] Xét ông Lê Văn H là bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt ông Lê Văn H.

[3.2] Xét chị Lê Thị C là bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị Lê Thị C.

[3.3] Anh Lê Văn Tn là người làm chứng vắng mặt không lý do. Xét anh Tn đã có lời khai rõ ràng về nội dung liên quan đến vụ án gửi Tòa, Hội đồng xét xử căn cứ

theo quy định tại khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh Tn.

[3.4] Xét việc nguyên đơn ông Dương Quang S rút một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà T, ông H và chị C liên đới trả số tiền 86.850.000 đồng. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Quang S là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận và đình chỉ đối với yêu cầu bà T, ông H và chị C liên đới trả số tiền 86.850.000 đồng.

[4] Xét nội dung yêu cầu của nguyên đơn ông Dương Văn S:

Nguyên đơn Dương Văn S yêu cầu bà Phạm Thị T, ông Lê Văn H và chị Lê Thị C liên đới trả cho ông số tiền vay là 64.500.000 đồng, thực hiện làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy tại phiên tòa, ông Dương Văn S và bà Phạm Thị T đã thống nhất chị Lê Thị C có vay của ông S 80.000.000 đồng bà T đã trả thay cho chị C 40.000.000 đồng còn nợ lại 40.000.000 đồng. Bà T cũng thừa nhận có ký vay của ông S 20.000.000 đồng và ông H có ký nhận nợ ông S 45.000.000 đồng là phù hợp với nội dung lời khai của ông Lê Văn H (bút lục 30) ông H thừa nhận có ký “giấy cam kết trả tiền lập ngày 20/12/2018” cho ông S với số tiền 45.000.000 đồng. Qua đối chiếu các giấy nợ bà T thừa nhận bà và ông H có ký nhận nợ ông S 65.000.000 đồng, bà đã trả cho ông S 40.500.000 đồng còn nợ lại ông S 24.500.000 đồng. Sự thừa nhận của bà Tổng phù hợp với giấy tờ chứng minh nợ giữa các bên được đối chiếu làm rõ tại tòa. Như vậy, khẳng định chị C còn nợ ông S 40.000.000 đồng, bà T và ông H còn nợ ông S 24.500.000 đồng. Căn cứ vào “giấy thỏa thuận ngày 18/10/2017” thì bà T, ông H và chị C phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền thực nợ là 64.500.000 đồng cho ông S. Về thời hạn trả nợ, các bên thừa nhận tại tòa là khi vay Ngân hàng được tiền bà Tổng ông Hải phải trả hết nợ cho ông S phần nợ của chị C và phần nợ chung của ông H bà T nhưng khi vay Ngân hàng được 300.000.000 đồng bà T chỉ trả được cho ông S 80.500.000 đồng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận. Bà T, ông H cho rằng không có nhận tiền nên không đồng ý trả cho ông S là không có cơ sở chấp nhận vì bà và ông H đã thừa nhận có ký nhận nợ như nêu trên.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Văn S là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí:

[5.1] Ông Lê Văn H, bà Phạm Thị T và chị Lê Thị C phải liên đới chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

[5.2] Ông Dương Văn S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho ông S số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự.
- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 229; khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Quang S đối với bị đơn ông Lê Văn H, bà Phạm Thị T và chị Lê Thị C.

1.1 Buộc ông Lê Văn H, bà Phạm Thị T và chị Lê Thị C phải liên đới trả cho ông Dương Quang S số tiền vốn vay 64.500.000 đồng, thực hiện làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Kể từ ngày ông Dương Quang S có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Lê Văn H, bà Phạm Thị T và chị Lê Thị C không liên đới trả số tiền nêu trên thì ông H, bà T và chị C còn phải liên đới trả lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

2.2 Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Quang S đối với bị đơn bà Phạm Thị T ông Lê Văn H và chị Lê Thị C về việc yêu cầu bà Phạm Thị T, ông Lê Văn H và chị Lê Thị C có nghĩa vụ liên đới trả cho ông S số tiền vay là 86.850.000 đồng, yêu cầu thực hiện làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí:

3.1 Ông Lê Văn H, bà Phạm Thị T và chị Lê Thị C phải liên đới chịu 3.225.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.2 Ông Dương Văn S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho ông S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.784.000 đồng theo biên lai thu số 19825 ngày 23/5/2019 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP.

4. Về kháng cáo:

4.1 Ông Dương Quang S và bà Phạm Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án.

4.2 Ông Lê Văn H và chị Lê Thị C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án tuyên kết thúc lúc 16 giờ 50 phút cùng ngày.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Tân Phước;
- THADS huyện Tân Phước;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Hữu Tính